

PHẦN VĂN BẢN KHÁC
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Quyết định số 7095/QĐ-UBND về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Hội, Quỹ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội
(tiếp theo Công báo số 27+28)

Phần II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Thủ tục hành chính cấp Thành phố

5. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội có phạm vi hoạt động trong thành phố; quận, huyện, thị xã

Trình tự thực hiện	- Cá nhân đại diện tổ chức nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nội vụ thành phố Hà Nội; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nội vụ tiếp nhận hồ sơ, thụ lý giải quyết và trả kết quả cho công dân, tổ chức theo phiếu hẹn; - Nhận thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có); - Công dân nhận kết quả theo giấy hẹn.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội. (18B Lê Thánh Tông – Hoàn Kiếm – Hà Nội).
Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: - Đơn đề nghị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội; - Đề án chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội, trong đó có phương án giải quyết tài sản, tài chính, lao động, phân định chức năng, quyền hạn, lĩnh vực hoạt động và trách nhiệm, nghĩa vụ phải thực hiện; - Nghị quyết đại hội của hội về việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội; - Dự thảo điều lệ hội mới do chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội; - Dự kiến chương trình hoạt động của hội hình thành mới do chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội; - Danh sách ban lãnh đạo lâm thời của hội thành lập mới do chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội. - Sơ yếu lý lịch và phiếu lý lịch tư pháp của người dự kiến đứng đầu (Trưởng ban) ban vận động thành lập hội mới do chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội, trong đó: + Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền; đối với người dự kiến đứng đầu (Trưởng ban) ban vận động thành lập hội thuộc diện quản lý của cơ

	quan có thẩm quyền thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ; + Việc cấp phiếu lý lịch tư pháp thực hiện theo thủ tục hành chính tại Sở Tư pháp thành phố Hà Nội; - Danh sách những người trong ban vận động được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; - Giấy tờ hợp lệ liên quan đến quyền sử dụng nhà, đất nơi dự kiến đặt trụ sở của hội hình thành mới do chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc.
Thời hạn giải quyết	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Tại Sở Nội vụ thành phố Hà Nội: 16 ngày làm việc; - Tại các Sở, ban, ngành của thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã: 07 ngày làm việc (cho ý kiến bằng văn bản về việc chia, tách; sáp nhập, hợp nhất hội); - Tại Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội: 07 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nội vụ thành phố Hà Nội. - Cơ quan phối hợp giải quyết: Các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã.
Kết quả thực hiện TTHC	Quyết định hành chính Trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp pháp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP xem xét,

	quyết định cho phép hội đổi tên và phê duyệt điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của hội, trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.
Lệ phí	Không.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	<i>Mẫu 5, 10, 11, 12, 13, 9 Phụ lục I; Mẫu 5, 6, 7, 8 Phụ lục II (Kèm theo Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Quyết định số 103/2009/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương, tiền công, cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị thuộc thành phố Hà Nội; - Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về tổ chức, hoạt động của hội và nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Mẫu 5 - Công văn báo cáo kết quả đại hội

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /...(2)...

....., ngày ... tháng ... năm ...

V/v báo cáo kết quả Đại hội

Kính gửi: ...(3)...

Ngày ... tháng ... năm ..., Đại hội thành lập (Đại hội nhiệm kỳ ... hoặc Đại hội bất thường) Hội ...(1)... đã được tổ chức tại..., Đại hội đã thảo luận và thông qua nội dung sau:

.....(4).....

Hồ sơ gửi kèm theo:

.....(5).....

- Tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Hội ...(1)... báo cáo kết quả Đại hội với ...(3)... và đề nghị xem xét, quyết định ...(6)....

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu ...

TM. BAN THƯỜNG VỤ (7)**CHỦ TỊCH***(Chữ ký, dấu)***Họ và tên****Ghi chú:**

(1) Tên hội;

(2) Viết tắt tên hội;

(3) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hội;

(4) Những nội dung đã được Đại hội thảo luận, thông qua;

(5) Theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 10 Thông tư này đối với trường hợp đổi tên Hội;

(6) Nếu đại hội thành lập thì ghi phê duyệt điều lệ; nếu đại hội nhiệm kỳ hoặc bất thường mà có sửa đổi, bổ sung điều lệ thì ghi phê duyệt điều lệ (sửa đổi, bổ sung) hoặc có đổi tên và phê duyệt điều lệ thì ghi: Đổi tên hội và phê duyệt điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của hội. Trường hợp đại hội nhiệm kỳ hoặc bất thường không sửa đổi, bổ sung điều lệ hoặc không đổi tên thì bỏ cụm từ: “và đề nghị xem xét, quyết định...”;

(7) Tên gọi khác quy định về thẩm quyền ghi trong điều lệ hiện hành, đối với đại hội thành lập thì chỉ cần chữ ký của Chủ tịch hội đã được ban lãnh đạo bầu.

Mẫu 9 - Điều lệ hội (*)

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐIỀU LỆ HỘI...(2)...*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số /QĐ-... ngày ... tháng ... năm ...***Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Tên gọi, biểu tượng**

1. Tên tiếng Việt:
2. Tên tiếng nước ngoài (nếu có):
3. Tên viết tắt (nếu có):
4. Biểu tượng (nếu có):

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội ...(2)... (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức ...(3)... của ...(4)..., tự nguyện thành lập, nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trụ sở của Hội đặt tại

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi ...(5)..., trong lĩnh vực...(6)...
2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của ...(7)... và ...(8)... có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.

3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền mục đích của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.
8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.
10. Được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động, cơ quan quyết định cho phép thành lập Hội về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế. *(đối với hội có phạm vi hoạt động cả nước)*

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III**HỘI VIÊN****Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên**

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức (9): Công dân, tổ chức Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực...(6)..., có đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, có thể trở thành hội viên chính thức của Hội.

b) Hội viên liên kết (nếu có)(10).....

c) Hội viên danh dự (nếu có).....(11).....

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:(12).....

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.
2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.
3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.
4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.
5. Được giới thiệu hội viên mới.
6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.
7. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).
8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.
9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.
2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.
3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.
4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.
5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra hội

.....(13).....

Chương IV**TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG****Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội**

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành (hoặc tên gọi khác).

3. Ban Thường vụ (hoặc tên gọi khác).
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng, các ban chuyên môn (nếu có).
6. Các tổ chức thuộc Hội (nếu có).

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức ...(14)... một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ) Các nội dung khác (nếu có);

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội (hoặc tên gọi khác)

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá...(15)... so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp ... lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên... tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có ... ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên ... tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội (hoặc tên gọi khác)

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ mỗi... họp... lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên ... tổng số ủy viên Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có ... ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên ... tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16.(16)

Điều 17. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 18. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội (hoặc tên gọi khác)

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 19.(17).....

Chương V**CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ****Điều 20. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên và giải thể Hội**

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 21. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);

- Các khoản thu hợp pháp khác;

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội

khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 24. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức:(18)

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội ...(2)... mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được ... số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội ...(2)... gồm ... Chương, ... Điều đã được Đại hội ...(19)... Hội ...(2)... thông qua ngày ... tháng ... năm ... tại ... và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của ...

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội ...(2)... có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(*) Mẫu này hướng dẫn nội dung chính của điều lệ hội; nếu sửa đổi, bổ sung thì ghi: Điều lệ (sửa đổi, bổ sung). Căn cứ quy định của pháp luật về hội và pháp luật có liên quan; căn cứ tính chất, phạm vi, lĩnh vực hoạt động, tổ chức.. của hội, hội có thể bổ sung quy định cho phù hợp;

(1) Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt điều lệ;

(2) Tên hội;

(3) Ghi rõ hội là tổ chức chính trị - xã hội hoặc chính trị - xã hội - nghề nghiệp hoặc xã hội - nghề nghiệp hoặc xã hội...;

(4) Ghi rõ đối tượng tập hợp của hội;

(5) Ghi rõ phạm vi hoạt động của hội: Cả nước hoặc liên tỉnh hoặc trong tỉnh ..., trong huyện ..., trong xã...;

(6) Ghi rõ lĩnh vực hoạt động chính của hội;

(7) Cơ quan nhà nước quản lý lĩnh vực hoạt động chính của hội;

(8) Cơ quan nhà nước có liên quan;

(9) Quy định cụ thể hội viên tổ chức (nếu có);

(10) (11) Quy định cụ thể hội viên liên kết, hội viên danh dự (nếu có) phù hợp với quy định tại Điều 17 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

(12) Quy định cụ thể tiêu chuẩn hội viên chính thức của hội;

(13) Quy định cụ thể thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra hội đối với hội viên;

(14) Quy định cụ thể nhiệm kỳ đại hội của hội nhưng không quá 05 (năm) năm;

(15) Quy định cụ thể số ủy viên Ban Chấp hành được bầu bổ sung: 1/3, 20%, 30%...;

(16) Các tổ chức khác: Thường trực hội, ban thư ký... (nếu có);

(17) Các chức danh khác: Tổng thư ký, thư ký... (nếu có);

(18) Ghi rõ các hình thức kỷ luật: Khiển trách, cảnh cáo, khai trừ...;

(19) Đại hội thành lập hoặc đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu lần thứ... hoặc đại hội bất thường.

Mẫu 10 - Đơn đề nghị tách hội**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Tách Hội ...(1)... thành Hội và Hội ...(2)...**

Kính gửi: ...(3)...

Theo quy định của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 45/2010/NĐ-CP; Hội ...(1)... thông qua việc tách Hội ...(1)... thành Hội ...(1)... và Hội ...(2)... như sau:

1. Lý do tách hội

.....(4).....

2. Hồ sơ gồm:

.....(5).....

- Các tài liệu có liên quan (nếu có).

Thông tin liên hệ:

Họ và tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Hội ...(1)... đề nghị ...(3)... xem xét, quyết định cho phép tách Hội ...(1)... thành Hội ...(1)... và Hội ...(2)....

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

TM. BAN THƯỜNG VỤ (6)**CHỦ TỊCH***(Chữ ký, dấu)***Họ và tên****Ghi chú:**

(1) Tên hội bị tách;

(2) Tên hội được thành lập mới do tách hội;

(3) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép tách hội;

(4) Nêu rõ lý do, sự cần thiết phải tách hội và việc tách phù hợp quy định của pháp luật;

(5) Theo Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

(6) Tên gọi khác quy định về thẩm quyền ký văn bản theo điều lệ hội bị tách.

Mẫu 11 - Đơn đề nghị chia hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Chia Hội ...(1)... thành Hội(2)... và Hội ...(3)...

Kính gửi: ...(4)...

Theo quy định của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; Hội ...(1)... thông qua việc chia Hội thành Hội ...(2)... và Hội ...(3)... như sau:

1. Lý do chia hội

.....(5).....

2. Hồ sơ gồm:

.....(6).....

- Các tài liệu có liên quan (nếu có).

Thông tin liên hệ:

Họ và tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Hội ...(1)... đề nghị ...(4)... xem xét, quyết định cho phép chia Hội ...(1)... thành Hội ...(2)... và Hội ...(3)....

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

TM. BAN THƯỜNG VỤ (7)

CHỦ TỊCH

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên hội bị chia;

(2) (3) Tên hội được thành lập mới do chia;

(4) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chia hội;

(5) Nêu rõ lý do, sự cần thiết phải chia hội và việc chia hội phù hợp quy định của pháp luật;

(6) Theo Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

(7) Tên gọi khác theo quy định điều lệ hội.

Mẫu 12 - Đơn đề nghị sáp nhập hội**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Sáp nhập Hội ...(1)... vào Hội ...(2)...**

Kính gửi: ...(3)...

Theo quy định của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; Hội ...(1)... và Hội ...(2)... đã thông qua việc sáp nhập Hội ...(1)... vào Hội ...(2)... như sau:

1. Lý do sáp nhập hội

.....(4).....

2. Hồ sơ gồm:

.....(5).....

- Các tài liệu có liên quan (nếu có)

Thông tin liên hệ:

Họ và tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Đề nghị ...(3)... xem xét, quyết định cho phép sáp nhập Hội ...(1)... vào Hội ...(2)....

..., ngày ... tháng ... năm ...

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: ...

TM. BAN THƯỜNG VỤ (6)**HỘI ...(1)...****CHỦ TỊCH***(Chữ ký, dấu)***Họ và tên****TM. BAN THƯỜNG VỤ (6)****HỘI ...(2)...****CHỦ TỊCH***(Chữ ký, dấu)***Họ và tên****Ghi chú:**

(1) Tên hội bị sáp nhập;

(2) Tên hội được sáp nhập;

(3) Cơ quan có thẩm quyền cho phép sáp nhập hội;

(4) Nêu rõ lý do, sự cần thiết sáp nhập hội và việc sáp nhập phù hợp quy định của pháp luật;

(5) Theo Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

(6) Tên gọi khác theo quy định điều lệ hội.

Mẫu 13 - Đơn đề nghị hợp nhất hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hợp nhất Hội ...(1)... và Hội ...(2)... thành Hội ...(3)...

Kính gửi: ...(4)...

Theo quy định của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 45/2010/NĐ-CP; Hội ...(1)... và Hội ...(2)... đã thông qua việc hợp nhất Hội ...(1)... và Hội ...(2)... thành Hội ...(3)... như sau:

1. Lý do sáp nhập hội

.....(5).....

2. Hồ sơ gồm:

.....(6).....

- Các tài liệu có liên quan (nếu có).

Thông tin liên hệ:

Họ và tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Đề nghị ...(4)... xem xét, quyết định cho phép hợp nhất Hội ...(1)... và Hội ...(2)... thành Hội ...(3)....

..., ngày ... tháng ... năm ...

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: ...

TM. BAN THƯỜNG VỤ (7)

HỘI ...(1)...

CHỦ TỊCH

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

TM. BAN THƯỜNG VỤ (7)

HỘI ...(2)...

CHỦ TỊCH

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) (2) Tên hội bị hợp nhất;

(3) Tên hội thành lập mới do hợp nhất;

(4) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hợp nhất hội;

(5) Nêu rõ lý do, sự cần thiết hợp nhất hội và việc hợp nhất phù hợp quy định của pháp luật;

(6) Theo Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

(7) Tên gọi khác theo quy định điều lệ hội.

Mẫu 5 - Quyết định cho phép tách hội

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC CHO PHÉP TÁCH HỘI ...(2)... THÀNH HỘI ...(2)... VÀ HỘI ...(3)... VÀ PHÊ DUYỆT ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG) HỘI ...(2)...

THẨM QUYỀN BAN HÀNH(4)...

Căn cứ(5).....;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ(6).....;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội ...(2)... và ...(7)....,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Cho phép tách Hội ...(2)... thành Hội ...(2)... và Hội ...(3)...**Điều 2.** Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội ...(2)... ban hành kèm theo Quyết định này.**Điều 3.** Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, Hội ...(2)... có trách nhiệm chuyển giao một phần tài sản, tài chính, tổ chức, nhân sự, quyền và nghĩa vụ cho Hội ...(3)...**Điều 4.** Hội ...(3)... là tổ chức ...(8)...., tổ chức và hoạt động theo Điều lệ được ...(4)... phê duyệt, tuân thủ quy định của pháp luật, chịu sự quản lý nhà nước của ...(9)... và các bộ (sở..., ...), ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

Hội ...(3)... có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, tự bảo đảm kinh phí, trụ sở và phương tiện hoạt động.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.**Điều 6.** Chủ tịch Hội ...(2)...., Trưởng Ban Lãnh đạo lâm thời, Chủ tịch Hội ...(3)...., ...(7)... và Chánh Văn phòng ...(1)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 6;

-;

- Lưu:

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ*(Chữ ký, dấu)***Họ và tên****Ghi chú:**

(1) Tên cơ quan nhà nước ban hành quyết định;

(2) Tên hội đề nghị tách;

(3) Tên hội thành lập mới do tách;

(4) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức ban hành văn bản;

(5) Căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức);

(6) Căn cứ khác có liên quan đến thẩm quyền ban hành quyết định (nếu có);

(7) Thủ trưởng đơn vị đề nghị ban hành quyết định;

(8) Xác định rõ hội là tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế - xã hội...;

(9) Tên cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hội hoạt động chính.

Mẫu 6 - Quyết định cho phép chia hội

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**VỀ VIỆC CHO PHÉP CHIA HỘI ...(2)... THÀNH HỘI ...(3)... VÀ HỘI ...(4)...****THẨM QUYỀN BAN HÀNH ...(5)...**

Căn cứ(6).....;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ(7).....;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội ...(2)... và ...(8)....,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Cho phép chia Hội ...(2)... thành Hội ...(3)... và Hội ...(4).....

Điều 2. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, Hội ...(2)... có trách nhiệm chuyển giao toàn bộ tài sản, tài chính, tổ chức, nhân sự, các quyền và nghĩa vụ cho Hội ...(3)... và Hội ...(4)... đồng thời chấm dứt tồn tại, hoạt động và nộp lại con dấu cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hội ...(3)... là tổ chức ...(9)...., tổ chức và hoạt động theo Điều lệ được ...(5)... phê duyệt, tuân thủ quy định của pháp luật, chịu sự quản lý nhà nước của ...(10)... và các bộ (sở..., ...), ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

Hội ...(3)... có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, tự đảm bảo kinh phí, trụ sở và phương tiện hoạt động.

Điều 4. Hội ...(4)... là tổ chức ...(9)...., tổ chức và hoạt động theo Điều lệ được ...(5)... phê duyệt, tuân thủ quy định của pháp luật, chịu sự quản lý nhà nước của ...(10)... và các bộ (sở..., ...), ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

Hội ...(4)... có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, tự đảm bảo kinh phí, trụ sở và phương tiện hoạt động.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6. Chủ tịch Hội.. (2)...., Trưởng Ban Lãnh đạo lâm thời, Chủ tịch Hội ...(3)...., Hội ...(4)...., ...(8)... và Chánh Văn phòng ...(1)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;

-;

- Lưu:

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ*(Chữ ký, dấu)***Họ và tên****Ghi chú:**

(1) Tên cơ quan nhà nước ban hành quyết định;

(2) Tên hội đề nghị chia;

(3) (4) Tên hội thành lập mới do chia;

(5) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức ban hành văn bản;

(6) Căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức);

(7) Căn cứ khác liên quan đến thẩm quyền ban hành quyết định (nếu có);

(8) Thủ trưởng đơn vị đề nghị ban hành quyết định;

(9) Xác định rõ hội là tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế - xã hội ...;

(10) Tên cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của hội.

Mẫu 7 - Quyết định cho phép sáp nhập hội

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**VỀ VIỆC CHO PHÉP SÁP NHẬP HỘI ...(2)... VÀO HỘI ...(3)... VÀ PHÊ DUYỆT ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG) HỘI ...(3)...****THẨM QUYỀN BAN HÀNH ...(4)...**

Căn cứ(5).....;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ(6).....;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội ...(2)..., Chủ tịch Hội ...(3)... và ...(7)...,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Cho phép sáp nhập Hội ...(2)... vào Hội ...(3)...

Điều 2. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội ...(3)... ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, Hội ...(2)... có trách nhiệm chuyển giao toàn bộ tài sản, tài chính, tổ chức, nhân sự, các quyền và nghĩa vụ cho Hội ...(3)...; đồng thời chấm dứt tồn tại, hoạt động và nộp lại con dấu cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chủ tịch Hội ...(2)..., Chủ tịch Hội ...(3)..., ...(7)... và Chánh Văn phòng ...(1)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;

-;

- Lưu:

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ*(Chữ ký, dấu)***Họ và tên****Ghi chú:**

- (1) Tên cơ quan nhà nước ban hành quyết định;
- (2) Tên hội bị sáp nhập;
- (3) Tên hội được sáp nhập;
- (4) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức ban hành văn bản;
- (5) Căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức);
- (6) Căn cứ khác liên quan đến thẩm quyền ban hành quyết định (nếu có);
- (7) Thủ trưởng đơn vị đề nghị ban hành quyết định.

Mẫu 8 - Quyết định cho phép hợp nhất hội

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**VỀ VIỆC CHO PHÉP HỢP NHẤT HỘI ...(2)... VÀ HỘI ...(3)... THÀNH HỘI ...(4)...****THẨM QUYỀN BAN HÀNH ...(5)...**

Căn cứ(6).....;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ(7).....;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội ...(2)..., Chủ tịch Hội ...(3)... và ...(8)...

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Cho phép hợp nhất Hội ...(2)... và Hội ...(3)... thành Hội ...(4)...

Điều 2. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, Hội ...(2)... và Hội ...(3)... có trách nhiệm chuyển giao toàn bộ tài sản, tài chính, tổ chức, nhân sự, các quyền và nghĩa vụ cho Hội ...(4)...; đồng thời chấm dứt tồn tại, hoạt động và nộp lại con dấu cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hội ...(4)... là tổ chức ...(9)..., tổ chức và hoạt động theo Điều lệ được ...(5)... phê duyệt, tuân thủ quy định của pháp luật, chịu sự quản lý nhà nước của ...(10)... và các bộ (sở..., ...), ngành khác có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

Hội ...(4)... có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, tự đảm bảo kinh phí, trụ sở và phương tiện hoạt động.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chủ tịch Hội ...(2)..., Chủ tịch Hội ...(3)..., Trưởng Ban Lãnh đạo lâm thời, Chủ tịch Hội ...(4)..., ...(8)... và Chánh Văn phòng ...(1)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;

-;

- Lưu:

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ*(Chữ ký, dấu)***Họ và tên****Ghi chú:**

(1) Tên cơ quan nhà nước ban hành quyết định;

(2) (3) Tên hội đề nghị hợp nhất;

(4) Tên hội thành lập mới do hợp nhất;

(5) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức ban hành văn bản;

(6) Căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức);

(7) Căn cứ khác liên quan đến thẩm quyền ban hành quyết định (nếu có);

(8) Thủ trưởng đơn vị đề nghị ban hành quyết định;

(9) Xác định rõ hội là tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế - xã hội ...;

(10) Cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của hội.

6. Tự giải thể Hội có phạm vi hoạt động trong thành phố; quận, huyện, thị xã

Trình tự thực hiện	- Cá nhân đại diện tổ chức nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nội vụ thành phố Hà Nội; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nội vụ tiếp nhận hồ sơ, thụ lý giải quyết và trả kết quả cho công dân, tổ chức theo phiếu hẹn; - Nhận thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có); - Công dân nhận kết quả theo giấy hẹn.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội. (18B Lê Thánh Tông – Hoàn Kiếm – Hà Nội).
Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: - Đơn đề nghị giải thể hội; - Biên bản và Nghị quyết đại hội của hội về nội dung hội tự giải thể; - Bản kê tài sản, tài chính; - Dự kiến phương thức xử lý tài sản, tài chính và thời hạn thanh toán các khoản nợ; - Thông báo thời hạn thanh toán nợ (nếu có) cho các tổ chức và cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật trên 05 (năm) số liên tiếp ở báo địa phương. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc.
Thời hạn giải quyết	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Tại Sở Nội vụ thành phố Hà Nội: 16 ngày làm việc; - Tại các sở, ban, ngành của thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã: 07 ngày làm việc (cho ý kiến bằng văn bản về việc tự giải thể đối với hội);
Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nội vụ thành phố Hà Nội.

	- Cơ quan phối hợp giải quyết: Các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã.
Kết quả thực hiện TTHC	Quyết định hành chính.
Lệ phí	Không.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	<i>Mẫu 14 Phụ lục I; Mẫu 10 Phụ lục II (Kèm theo Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Quyết định số 103/2009/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương, tiền công, cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị thuộc thành phố Hà Nội. - Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về tổ chức, hoạt động của hội và nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Mẫu 14 - Đơn đề nghị giải thể hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Giải thể Hội ...(1)...

Kính gửi: ...(2)...

Theo quy định của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; Hội ...(1)... đã thông qua việc giải thể như sau:

1. Lý do giải thể hội

.....(3).....

2. Hồ sơ gồm:

.....(4).....

- Các tài liệu có liên quan (nếu có).

Thông tin liên hệ:

Họ và tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Hội ...(1)... đề nghị ...(2)... xem xét, quyết định giải thể Hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

TM. BAN THƯỜNG VỤ (5)

CHỦ TỊCH

(Chữ ký, đóng dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên hội đề nghị giải thể;

(2) Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải thể hội;

(3) Nêu rõ lý do giải thể hội và việc giải thể phù hợp quy định của pháp luật;

(4) Theo Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

(5) Tên gọi khác theo quy định điều lệ hội.

Mẫu 10 - Quyết định giải thể hội

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**VỀ VIỆC GIẢI THỂ HỘI ... (2)...****THẨM QUYỀN BAN HÀNH ... (3)...**

Căn cứ(4).....;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ(5).....;

Xét đề nghị của ... (6) ... và ... (7) ...,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Giải thể Hội ... (2) ...

Điều 2. Hội ... (2) ... có trách nhiệm nộp lại con dấu cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và chấm dứt tồn tại, hoạt động kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chủ tịch Hội ... (2) ..., ... (7) ... và Chánh Văn phòng ... (1) ... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

-;

- Lưu:

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ*(Chữ ký, dấu)***Họ và tên****Ghi chú:**

(1) Tên cơ quan nhà nước ban hành quyết định;

(2) Tên hội giải thể;

(3) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức ban hành văn bản;

(4) Căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức);

(5) Căn cứ khác liên quan trực tiếp đến thẩm quyền ban hành quyết định (nếu có);

(6) Trường hợp hội tự giải thể thì ghi xét đề nghị của Chủ tịch Hội; trường hợp hội bị giải thể thì ghi xét kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền kết luận Hội vi phạm pháp luật;

(7) Thủ trưởng đơn vị đề nghị ban hành quyết định.

7. Cho phép hội (đối với hội được phép hoạt động trong phạm vi cả nước hoặc liên tỉnh) đặt văn phòng đại diện tại Hà Nội

Trình tự thực hiện	- Cá nhân đại diện tổ chức nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nội vụ thành phố Hà Nội; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nội vụ tiếp nhận hồ sơ, thụ lý giải quyết và trả kết quả cho công dân, tổ chức theo phiếu hẹn; - Nhận thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có); - Công dân nhận kết quả theo giấy hẹn.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội. (18B Lê Thánh Tông – Hoàn Kiếm – Hà Nội).
Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: - Đơn xin phép đặt văn phòng đại diện, trong đó cần nêu rõ sự cần thiết đặt văn phòng đại diện; nơi đặt trụ sở (địa điểm, điện thoại, fax,...); - Dự kiến nội dung hoạt động của văn phòng đại diện tại Hà Nội; - Bản sao công chứng Quyết định cho phép thành lập hội, điều lệ hội; b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc.
Thời hạn giải quyết	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Tại Sở Nội vụ thành phố Hà Nội: 7 ngày làm việc; - Tại các sở, ban, ngành của Thành phố: 4 ngày làm việc (cho ý kiến bằng văn bản về việc hội xin phép đặt văn phòng đại diện); - Tại Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội: 04 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức.

Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nội vụ thành phố Hà Nội. - Cơ quan phối hợp giải quyết: Các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã.
Kết quả thực hiện TTHC	Quyết định hành chính Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp pháp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, quyết định cho phép hội đặt văn phòng đại diện; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Sau khi được sự đồng ý bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc cho phép đặt văn phòng đại diện, hội báo cáo bằng văn bản với Bộ Nội vụ và Bộ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực mà hội hoạt động.
Lệ phí	Không.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	<i>Mẫu 6 Phụ lục I; Mẫu 9 Phụ lục II (Kèm theo Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của

	Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Quyết định số 103/2009/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương, tiền công, cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị thuộc thành phố Hà Nội; - Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về tổ chức, hoạt động của hội và nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.
--	---

Mẫu 6 - Công văn báo cáo đặt văn phòng đại diện

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /...(2)...

....., ngày ... tháng ... năm ...

V/v đặt văn phòng đại diện
của Hội

Kính gửi: ...(3)...

Ủy ban nhân dân ...(4)... đã có Quyết định số ... ngày... tháng ... năm ...
cho phép Hội ...(1)... đặt Văn phòng đại diện.

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Trưởng Văn phòng đại diện (nếu có):.....

Thực hiện quy định của pháp luật về hội, Hội ...(1)... trân trọng báo cáo
với ...(3)... về việc Hội đặt Văn phòng đại diện của Hội tại ...(4)... (có bản sao
Quyết định kèm theo)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu ...

TM. BAN THƯỜNG VỤ (5)**CHỦ TỊCH***(Chữ ký, dấu)***Họ và tên)****Ghi chú:**

- (1) Tên hội;
- (2) Viết tắt tên hội;
- (3) Cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập hội;
- (4) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã cho phép hội đặt văn phòng đại diện;
- (5) Tên gọi khác quy định về thẩm quyền ghi trong điều lệ hiện hành của hội.

Mẫu 9 - Quyết định cho phép hội đặt văn phòng đại diện**ỦY BAN NHÂN DÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

...(1)...

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**VỀ VIỆC CHO PHÉP HỘI ...(2)... ĐẶT VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN****ỦY BAN NHÂN DÂN ...(1)...**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số .../.../TT-BNV ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội ...(2)... và Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Cho phép Hội ...(2)... đặt Văn phòng đại diện tại: ...(3)...**Điều 2.** Văn phòng đại diện Hội...(2)... tổ chức và hoạt động theo quy định của Hội ...(2)... và quy định pháp luật.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.**Điều 4.** Chủ tịch Hội ...(2)..., Giám đốc Sở Nội vụ và Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân ...(1)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;

-;

- Lưu:

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ*(Chữ ký, dấu)***Họ và tên****Ghi chú:**

(1) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

(2) Tên hội đặt văn phòng đại diện;

(3) Địa chỉ đặt văn phòng đại diện.

8. Cho phép hội tổ chức đại hội nhiệm kỳ và đại hội bất thường

Trình tự thực hiện	- Cá nhân đại diện tổ chức nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nội vụ thành phố Hà Nội; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nội vụ tiếp nhận hồ sơ, thụ lý giải quyết và trả kết quả cho công dân, tổ chức theo phiếu hẹn; - Nhận thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có); - Công dân nhận kết quả theo giấy hẹn.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội. (18B Lê Thánh Tông – Hoàn Kiếm – Hà Nội).
Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: - Nghị quyết của ban lãnh đạo hội về việc tổ chức đại hội nhiệm kỳ; - Dự thảo báo cáo tổng kết công tác nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tới của hội; - Báo cáo kiểm điểm của Ban chấp hành, Ban kiểm tra và báo cáo tài chính của hội; - Dự thảo điều lệ sửa đổi, bổ sung (nếu có); - Dự thảo Đề án nhân sự Ban Lãnh đạo, trong đó xây dựng cơ cấu, số lượng (Ban Lãnh đạo, Ban Thường vụ), tiêu chuẩn các thành viên Ban Lãnh đạo, tiêu chuẩn riêng đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch; trên cơ sở đó dự kiến cụ thể Danh sách Ban Lãnh đạo (có trích ngang về độ tuổi, trình độ chuyên môn đào tạo, nghề nghiệp, cơ quan công tác, địa chỉ thường trú, chức danh trong Ban Lãnh đạo., Đối với nhân sự dự kiến là người đứng đầu hội phải có: + Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (); đối với người đứng đầu hội thuộc diện quản lý của cơ quan có thẩm quyền thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ; + Việc cấp phiếu lý lịch tư pháp thực hiện theo thủ tục hành chính tại Sở Tư pháp thành phố Hà Nội. - Báo cáo số lượng hội viên chính thức theo danh sách

	trích ngang (có trích ngang về độ tuổi, trình độ chuyên môn đào tạo, nghề nghiệp, nơi công tác, địa chỉ thường trú); - Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức đại hội, số lượng đại biểu mời, đại biểu chính thức tham dự đại hội, dự kiến chương trình đại hội; - Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ gốc, 01 bộ photo); b) Đối với Đại hội bất thường - Công văn của Hội về việc xin phép tổ chức đại hội bất thường; - Nghị quyết của ban lãnh đạo hội về việc tổ chức đại hội bất thường trong đó nêu rõ nội dung sẽ thảo luận và quyết định tại đại hội; - Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức đại hội, số lượng đại biểu mời, đại biểu chính thức tham dự đại hội, dự kiến chương trình đại hội. - Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc.
Thời hạn giải quyết	Thời hạn giải quyết là 15 ngày. Trường hợp cần xin ý kiến thì chậm nhất là 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Tại Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã thành phố Hà Nội: 20 ngày làm việc; - Tại các sở, ban, ngành của thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã: 05 ngày làm việc (cho ý kiến bằng văn bản);
Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nội vụ. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nội vụ. - Cơ quan phối hợp giải quyết: Các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã.
Kết quả thực hiện TTHC	Văn bản cho ý kiến.
Lệ phí	Không.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai	<i>Mẫu 9, 16 Phụ lục I; (Kèm theo Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Quyết định số 103/2009/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương, tiền công, cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị thuộc thành phố Hà Nội; - Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2013 của UBND thành phố Hà Nội về tổ chức, hoạt động của hội và nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Mẫu 9 - Điều lệ hội (*)

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ HỘI...(2)...

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số /QĐ-... ngày ... tháng ... năm ...

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Tên gọi, biểu tượng**

1. Tên tiếng Việt:
2. Tên tiếng nước ngoài (nếu có):
3. Tên viết tắt (nếu có):
4. Biểu tượng (nếu có):

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội ...(2)... (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức ...(3)... của ...(4)..., tự nguyện thành lập, nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trụ sở của Hội đặt tại

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi ...(5)..., trong lĩnh vực...(6)...
2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của ...(7)... và ...(8)... có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.

3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền mục đích của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.
8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.
10. Được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động, cơ quan quyết định cho phép thành lập Hội về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế. *(đối với hội có phạm vi hoạt động cả nước)*

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức (9): Công dân, tổ chức Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực...(6)..., có đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, có thể trở thành hội viên chính thức của Hội.

b) Hội viên liên kết (nếu có)(10).....

c) Hội viên danh dự (nếu có).....(11).....

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:(12).....

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.
2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.
3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.
4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.
5. Được giới thiệu hội viên mới.
6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.
7. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).
8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.
9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.
2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.
3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.
4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.
5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra hội

.....(13).....

Chương IV**TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG****Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội**

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành (hoặc tên gọi khác).

3. Ban Thường vụ (hoặc tên gọi khác).
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng, các ban chuyên môn (nếu có).
6. Các tổ chức thuộc Hội (nếu có).

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức ...(14)... một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ) Các nội dung khác (nếu có);

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội (hoặc tên gọi khác)

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá...(15)... so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp ... lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên... tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có ... ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên ... tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội (hoặc tên gọi khác)

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ mỗi... họp... lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên ... tổng số ủy viên Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có ... ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên ... tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16.(16)

Điều 17. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 18. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội (hoặc tên gọi khác)

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 19.(17).....

Chương V**CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ****Điều 20. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên và giải thể Hội**

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 21. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);

- Các khoản thu hợp pháp khác;

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội

khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 24. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức:(18)

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội ...(2)... mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được ... số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội ...(2)... gồm ... Chương, ... Điều đã được Đại hội ...(19)... Hội ...(2)... thông qua ngày ... tháng ... năm ... tại ... và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của ...

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội ...(2)... có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(*) Mẫu này hướng dẫn nội dung chính của điều lệ hội; nếu sửa đổi, bổ sung thì ghi: Điều lệ (sửa đổi, bổ sung). Căn cứ quy định của pháp luật về hội và pháp luật có liên quan; căn cứ tính chất, phạm vi, lĩnh vực hoạt động, tổ chức.. của hội, hội có thể bổ sung quy định cho phù hợp;

(1) Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt điều lệ;

(2) Tên hội;

(3) Ghi rõ hội là tổ chức chính trị - xã hội hoặc chính trị - xã hội - nghề nghiệp hoặc xã hội - nghề nghiệp hoặc xã hội...;

(4) Ghi rõ đối tượng tập hợp của hội;

(5) Ghi rõ phạm vi hoạt động của hội: Cả nước hoặc liên tỉnh hoặc trong tỉnh ..., trong huyện ..., trong xã...;

(6) Ghi rõ lĩnh vực hoạt động chính của hội;

(7) Cơ quan nhà nước quản lý lĩnh vực hoạt động chính của hội;

(8) Cơ quan nhà nước có liên quan;

(9) Quy định cụ thể hội viên tổ chức (nếu có);

(10) (11) Quy định cụ thể hội viên liên kết, hội viên danh dự (nếu có) phù hợp với quy định tại Điều 17 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

(12) Quy định cụ thể tiêu chuẩn hội viên chính thức của hội;

(13) Quy định cụ thể thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra hội đối với hội viên;

(14) Quy định cụ thể nhiệm kỳ đại hội của hội nhưng không quá 05 (năm) năm;

(15) Quy định cụ thể số ủy viên Ban Chấp hành được bầu bổ sung: 1/3, 20%, 30%...;

(16) Các tổ chức khác: Thường trực hội, ban thư ký... (nếu có);

(17) Các chức danh khác: Tổng thư ký, thư ký... (nếu có);

(18) Ghi rõ các hình thức kỷ luật: Khiển trách, cảnh cáo, khai trừ...;

(19) Đại hội thành lập hoặc đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu lần thứ... hoặc đại hội bất thường.

Mẫu 16 - Báo cáo hoạt động hội

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-...(2)...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
NĂM ...**

Thực hiện quy định của pháp luật, Hội ...(1)... báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội năm ... như sau:

1. Về tổ chức của Hội

a) Về hội viên:

- Tổng số hội viên:

Trong đó:

Hội viên tổ chức:

Hội viên cá nhân:

Số hội viên mới kết nạp trong năm:

Trong đó:

Hội viên tổ chức:

Hội viên cá nhân:

b) Những người làm việc chuyên trách tại Hội:

Trong đó: Số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao (nếu có):

c) Số lượng các tổ chức trực thuộc Hội (trong đó làm rõ số thành lập mới trong năm báo cáo)

- Tổ chức có tư cách pháp nhân:

- Phòng, ban, đơn vị trực thuộc:

- Tổ chức cơ sở thuộc Hội:

- Văn phòng đại diện:

d) Việc kiện toàn tổ chức Hội (tổ chức Đại hội, hội nghị thường niên; họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ theo quy định của Điều lệ Hội, kiện toàn ban lãnh đạo, các chức danh chủ chốt...)

.....

đ) Khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội (nếu có)

2. Kết quả hoạt động

a) Kết quả những hoạt động của Hội:

.....

b) Việc thực hiện nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền giao:

.....

3. Tổng số kinh phí hoạt động trong năm:

Trong đó:

- a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ:
b) Kinh phí do tổ chức nước ngoài tài trợ:
c) Hội tự huy động từ các nguồn khác:

4. Dự kiến phương hướng, nhiệm vụ năm...

.....
5. Đề xuất, kiến nghị

.....
Trên đây là nội dung báo cáo về tổ chức, hoạt động năm ..., Hội...(1)...
báo cáo ...(3)..../.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: ...

TM. BAN THƯỜNG VỤ (4)

CHỦ TỊCH

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên hội;
- (2) Tên viết tắt của hội;
- (3) Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hội;
- (4) Tên gọi khác theo quy định điều lệ hội.

9. Báo cáo việc thành lập pháp nhân thuộc hội

Trình tự thực hiện	- Cá nhân đại diện tổ chức nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nội vụ thành phố Hà Nội; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nội vụ tiếp nhận hồ sơ, thụ lý giải quyết và trả kết quả cho công dân, tổ chức theo phiếu hẹn; - Nhận thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có); - Công dân nhận kết quả theo giấy hẹn.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội. (18B Lê Thánh Tông – Hoàn Kiếm – Hà Nội).
Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép kinh doanh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp; - Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu; b) Số lượng hồ sơ: 1 bộ (bản chính).
Thời hạn giải quyết	Không có.
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức, cá nhân.
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nội vụ. - Cơ quan phối hợp giải quyết: Các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã.
Kết quả thực hiện TTHC	Văn bản trả lời tổ chức, công dân.
Lệ phí	Không.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Khi có nhu cầu và đủ điều kiện thành lập pháp nhân thuộc hội hoạt động trong những lĩnh vực phù hợp với điều kiện hội mà pháp luật đã quy định cụ thể về điều

	kiện, thủ tục, trình tự, hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép kinh doanh thì hội quyết định thành lập pháp nhân và báo cáo Sở Nội vụ (đối với hội có phạm vi hoạt động trong Thành phố, huyện), báo cáo Ủy ban nhân dân huyện (đối với hội có phạm vi hoạt động trong huyện, xã).
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Quyết định số 103/2009/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương, tiền công, cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị thuộc thành phố Hà Nội; - Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về tổ chức, hoạt động của hội và nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.

10. Báo cáo việc thay đổi địa chỉ nơi đặt trụ sở hội

Trình tự thực hiện	- Khi thay đổi địa chỉ nơi đặt trụ sở của hội và thay đổi Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký hoặc các chức danh tương đương, ban lãnh đạo hội phải báo cáo bằng văn bản với Sở Nội vụ. (đối với hội có phạm vi hoạt động trong Thành phố, huyện), báo cáo Ủy ban nhân dân huyện (đối với hội có phạm vi hoạt động trong huyện, xã); - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nội vụ tiếp nhận hồ sơ, thụ lý giải quyết và trả kết quả cho công dân, tổ chức theo phiếu hẹn; - Nhận thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có); - Công dân nhận kết quả theo giấy hẹn.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội. (18B Lê Thánh Tông – Hoàn Kiếm – Hà Nội).
Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: - Báo cáo thay đổi địa chỉ nơi đặt trụ sở phải nêu rõ địa chỉ mới, điện thoại, fax (nếu có); - Báo cáo thay đổi Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký hoặc chức danh tương đương kèm theo nghị quyết, biên bản về việc bầu các chức danh trên và sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp của người đứng đầu hội; b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản chính).
Thời hạn giải quyết	
Đối tượng thực hiện TTHC	Hội có phạm vi hoạt động trong Thành phố, huyện, xã.
Cơ quan thực hiện TTHC	Sở Nội vụ.
Kết quả thực hiện TTHC	Công văn đồng ý.

Lệ phí	Không.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	<i>Mẫu 7 Phụ lục I (Kèm theo Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Quyết định số 103/2009/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương, tiền công, cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị thuộc thành phố Hà Nội; - Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về tổ chức, hoạt động của hội và nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Mẫu 7 - Công văn báo cáo thay đổi địa chỉ nơi đặt trụ sở của hội

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...(2)...
V/v thay đổi địa chỉ nơi đặt
trụ sở của Hội

....., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: ...(3)...

Hội ...(1)... thay đổi địa chỉ nơi đặt trụ của Hội như sau:

Địa chỉ nơi đặt trụ sở mới:(4).....

Điện thoại, fax (nếu có):

Thực hiện quy định của pháp luật về hội, Hội ...(1)... trân trọng báo cáo
với ...(3)... về việc Hội đã thay đổi địa chỉ nơi đặt trụ sở của Hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu ...

TM. BAN THƯỜNG VỤ (5)

CHỦ TỊCH

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên hội;

(2) Viết tắt tên hội;

(3) Cơ quan nhà nước quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

(4) Ghi chi tiết, cụ thể nơi đặt trụ sở mới của hội;

(5) Tên gọi khác quy định về thẩm quyền ghi trong điều lệ hiện hành của hội.

11. Thành lập và công nhận điều lệ quỹ

Trình tự thực hiện	- Bước 1: Ban sáng lập quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh hoặc quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản để thành lập, hoạt động trong phạm vi huyện, xã gửi hồ sơ xin thành lập và công nhận điều lệ quỹ đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Sở Nội vụ). - Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp pháp. - Bước 3: Sở Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, thực hiện quy trình lấy ý kiến các cơ quan có liên quan; tổng hợp các ý kiến góp ý đề nghị bổ sung thêm hồ sơ theo ý kiến góp ý (nếu có). - Bước 4: Trong thời hạn 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định cho phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nội vụ tiếp nhận hồ sơ, thụ lý giải quyết và trả kết quả cho công dân, tổ chức theo phiếu hẹn. - Nhận thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có). - Công dân nhận kết quả theo giấy hẹn.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội. (18B Lê Thánh Tông – Hoàn Kiếm – Hà Nội).
Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: - Đơn đề nghị thành lập quỹ (theo mẫu); - Dự thảo điều lệ quỹ; - Tài liệu chứng minh tài sản đóng góp để thành lập quỹ; - Sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp của các thành viên

	ban sáng lập quỹ, sáng lập viên thành lập quỹ nếu thuộc diện quản lý của cơ quan có thẩm quyền thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ; - Bản sao di chúc có chứng thực; Hợp đồng ủy quyền có công chứng (nếu có); Điều kiện đối với các sáng lập viên: - Đối với công dân Việt Nam: Có đủ năng lực hành vi dân sự không có án tích; - Đối với tổ chức của Việt Nam: Có điều lệ hoặc văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức; nghị quyết của Ban lãnh đạo tổ chức về việc tham gia thành lập quỹ; quyết định cử người đại diện của tổ chức tham gia tư cách sáng lập viên thành lập quỹ; - Có tài sản đóng góp thành lập quỹ theo quy định; b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản chính).
Thời hạn giải quyết	40 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp.
Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nội vụ thành phố Hà Nội. - Cơ quan phối hợp giải quyết: Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã có liên quan.
Kết quả thực hiện TTHC	- Quyết định hành chính.
Lệ phí	Không.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	(Kèm theo Thông tư số 02/2013/TT-BNV ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).

Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố cho phép thành lập đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong Thành phố; quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản để thành lập, hoạt động trong phạm vi huyện, xã; b) Điều kiện thành lập quỹ: - Có mục đích hoạt động phù hợp: hỗ trợ và khuyến khích phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, khoa học, từ thiện, nhân đạo và các mục đích phát triển cộng đồng, không vì mục đích lợi nhuận; - Sáng lập viên thành lập quỹ phải là công dân, tổ chức Việt Nam và có ít nhất 03 sáng lập viên. Điều kiện đối với sáng lập viên là công dân Việt Nam: có đủ năng lực hành vi dân sự và không có án tích; đối với sáng lập viên là tổ chức Việt Nam: có điều lệ hoặc văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức; nghị quyết của Ban lãnh đạo tổ chức về việc tham gia thành lập quỹ; quyết định cử người đại diện của tổ chức tham gia tư cách sáng lập viên thành lập quỹ; - Ban sáng lập quỹ có đủ số tài sản đóng góp để thành lập quỹ; - Có hồ sơ thành lập quỹ; c) Quỹ do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập, Ban sáng lập phải đảm bảo số tài sản đóng góp thành lập quỹ quy đổi ra tiền đồng Việt Nam như sau: Quỹ hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh: 1.000.000.000 (một tỷ). Trong đó số tiền dự kiến chuyển vào tài khoản của quỹ tối thiểu bằng 50% tổng giá trị tài sản quy đổi; d) Quỹ có tài sản của công dân, tổ chức nước ngoài góp với công dân, tổ chức Việt Nam thành lập; Ban sáng lập quỹ phải đảm bảo số tài sản đóng góp thành lập quỹ quy đổi ra tiền đồng Việt Nam như sau: - Quỹ hoạt động trong phạm vi cấp huyện: 1.000.000.000 (một tỷ);
--	--

	- Quỹ hoạt động trong phạm vi cấp xã: 500.000.000 (năm trăm triệu); Trong đó số tiền dự kiến chuyển vào tài khoản của quỹ tối thiểu bằng 50% tổng giá trị tài sản quy đổi; đ) Tài sản đóng góp thành lập quỹ phải được chuyển quyền sở hữu cho quỹ trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày quỹ được cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; e) Sau khi được cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ nhưng quỹ không thực hiện đúng quy định về việc chuyển quyền sở hữu tài sản cho quỹ, thì giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ hết hiệu lực. Trường hợp vì lý do khách quan mà quỹ chưa thực hiện được việc chuyển quyền sở hữu tài sản, thì trong thời hạn 10 ngày trước khi hết thời hạn theo quy định, Ban sáng lập quỹ phải có văn bản gửi cơ quan nhà nước đã cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ đề nghị gia hạn. Thời gian gia hạn chỉ thực hiện một lần và tối đa không quá 20 ngày, nếu quá thời gian gia hạn mà quỹ vẫn không thực hiện việc chuyển quyền sở hữu tài sản thì giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ hết hiệu lực; g) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ, quỹ phải công bố về việc thành lập quỹ liên tiếp trên 03 số báo viết hoặc báo điện tử ở địa phương đối với quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố cho phép thành lập về các nội dung chủ yếu sau đây: - Tên quỹ; - Địa chỉ trụ sở chính của quỹ, điện thoại, email hoặc website (nếu có) của quỹ; - Tôn chỉ, mục đích của quỹ; - Phạm vi hoạt động của quỹ;
--	--

	- Lĩnh vực hoạt động chính của quỹ; - Số tài khoản, tên, địa chỉ ngân hàng nơi quỹ mở tài khoản; - Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật của quỹ; - Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm và cơ quan cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ; - Số tài sản đóng góp thành lập quỹ của các sáng lập viên. 1. Trường hợp thành lập quỹ theo di chúc thì di chúc của người để lại tài sản thừa kế cho công dân, tổ chức Việt Nam với nghĩa vụ thực hiện yêu cầu lập quỹ phải được lập dưới hình thức di chúc bằng văn bản có công chứng hoặc di chúc bằng văn bản có chứng thực theo quy định của pháp luật. 2. Việc thành lập quỹ theo yêu cầu của người hiến, tặng tài sản thông qua hợp đồng ủy quyền là việc người hiến, tặng tài sản cho bên nhận hiến, tặng tài sản (công dân hoặc tổ chức) với điều kiện bên nhận hiến, tặng tài sản có trách nhiệm đứng ra thành lập quỹ thông qua hợp đồng ủy quyền với vai trò là sáng lập viên thành lập quỹ. Hợp đồng ủy quyền phải bằng văn bản và được công chứng theo quy định của pháp luật. 3. Trường hợp công dân, tổ chức nhận thừa kế hoặc nhận hiến, tặng tài sản không đủ số lượng sáng lập viên thành lập quỹ theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 30/2012/NĐ-CP thì công dân, tổ chức nhận thừa kế hoặc nhận hiến, tặng có trách nhiệm bổ sung đủ số lượng sáng lập viên theo quy định, sáng lập viên được bổ sung không phải góp tài sản để thành lập quỹ theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 30/2012/NĐ-CP.
--	--

Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; - Thông tư số 02/2013/TT-BNV ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.
------------------------------------	--

12. Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ

Trình tự thực hiện	- Bước 1: Sau khi hoàn tất các thủ tục công bố về việc thành lập quỹ và chuyển quyền sở hữu tài sản đóng góp thành lập quỹ, Hội đồng quản lý quỹ gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân Thành phố (Sở Nội vụ) đề nghị công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ. - Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp pháp. - Bước 3: Sở Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, thực hiện quy trình lấy ý kiến các cơ quan có liên quan; tổng hợp các ý kiến góp ý đề nghị bổ sung thêm hồ sơ theo ý kiến góp ý (nếu có). - Bước 4: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nội vụ tiếp nhận hồ sơ, thụ lý giải quyết và trả kết quả cho công dân, tổ chức theo phiếu hẹn. - Nhận thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có). - Công dân nhận kết quả theo giấy hẹn.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội. (18B Lê Thánh Tông – Hoàn Kiếm – Hà Nội).
Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Tài liệu chứng minh việc hoàn tất các thủ tục công bố về việc thành lập quỹ và chuyển quyền sở hữu tài sản

	đóng góp thành lập quỹ; - Danh sách, địa chỉ, số điện thoại liên hệ, sơ yếu lý lịch và phiếu lý lịch tư pháp của các thành viên Hội đồng quản lý quỹ, nếu thuộc diện quản lý của cơ quan có thẩm quyền thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ trước khi bầu Hội đồng quản lý quỹ. Trường hợp thành viên Hội đồng quản lý quỹ là người nước ngoài phải cung cấp lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước người đó mang quốc tịch; - Văn bản liên quan đến việc bầu thành viên và các chức danh Hội đồng quản lý quỹ. b) Số lượng hồ sơ: 01 bản chính.
Thời hạn giải quyết	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp.
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nội vụ thành phố Hà Nội. - Cơ quan phối hợp giải quyết: Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã có liên quan.
Kết quả thực hiện TTHC	- Quyết định công nhận quỹ có đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ. - Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này ra quyết định công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ, trường hợp không công nhận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.
Lệ phí	Không.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai	<i>(Kèm theo Thông tư số 02/2013/TT-BNV ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Quỹ được hoạt động khi đủ các điều kiện sau: 1) Có giấy phép thành lập và công nhận điều lệ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp. 2) Đã công bố về việc thành lập quỹ. 3) Có văn bản xác nhận của ngân hàng nơi quỹ đăng ký mở tài khoản về số tiền mà sáng lập viên đóng góp để thành lập quỹ đã có đủ trong tài khoản của quỹ. Đối với tài sản khác, đã thực hiện việc chuyển quyền sở hữu tài sản theo quy định. 4) Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; - Thông tư số 02/2013/TT-BNV ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

13. Công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ

Trình tự thực hiện	- Bước 1: Trong quá trình hoạt động nếu có sự thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ, quỹ gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân Thành phố (Sở Nội vụ) đề nghị công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ. - Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp pháp. - Bước 3: Sở Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, thực hiện quy trình lấy ý kiến các cơ quan có liên quan; tổng hợp các ý kiến góp ý đề nghị bổ sung thêm hồ sơ theo ý kiến góp ý (nếu có). - Bước 4: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nội vụ tiếp nhận hồ sơ, thụ lý giải quyết và trả kết quả cho công dân, tổ chức theo phiếu hẹn. - Nhận thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có). - Công dân nhận kết quả theo giấy hẹn.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội. (18B Lê Thánh Tông – Hoàn Kiếm – Hà Nội).
Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: - Văn bản nêu rõ lý do thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ, kèm theo danh sách, địa chỉ, số điện thoại liên hệ, sơ yếu lý lịch và phiếu lý lịch tư pháp của thành viên Hội đồng quản lý quỹ được bổ sung, nếu thuộc diện quản lý của cơ quan có thẩm quyền thì phải

	được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ trước khi bầu Hội đồng quản lý quỹ. b) Số lượng hồ sơ: 01 bản chính.
Thời hạn giải quyết	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Tại Sở Nội vụ: 11 ngày. - Tại Ủy ban nhân dân Thành phố: 04 ngày.
Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nội vụ thành phố Hà Nội. - Cơ quan phối hợp giải quyết: Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã có liên quan.
Kết quả thực hiện TTHC	- Quyết định công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ do thay đổi, bổ sung. - Trong quá trình hoạt động nếu có sự thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ; quỹ gửi văn bản nêu rõ lý do thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ (kèm theo danh sách, địa chỉ, số điện thoại liên hệ, sơ yếu lý lịch và phiếu lý lịch tư pháp của thành viên Hội đồng quản lý quỹ được bổ sung) đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này ra quyết định công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ do thay đổi, bổ sung; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.
Lệ phí	Không.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai	<i>(Kèm theo Thông tư số 02/2013/TT-BNV ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Hội đồng quản lý quỹ là cơ quan quản lý của quỹ, nhân danh quỹ để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của quỹ. Hội đồng quản lý quỹ có tối thiểu 03 thành viên do sáng lập viên đề cử, trường hợp không có đề cử của sáng lập viên thành lập quỹ, Hội đồng quản lý quỹ nhiệm kỳ trước bầu ra Hội đồng quản lý quỹ nhiệm kỳ tiếp theo và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận. Nhiệm kỳ Hội đồng quản lý quỹ không quá 05 năm. Hội đồng quản lý quỹ gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các thành viên.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; - Thông tư số 02/2013/TT-BNV ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

14. Thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ

Trình tự thực hiện	- Bước 1: Trong quá trình hoạt động nếu có sự sửa đổi, bổ sung điều lệ quỹ, Hội đồng quản lý quỹ gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân Thành phố (Sở Nội vụ) đề nghị thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ. - Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp pháp. - Bước 3: Sở Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, thực hiện quy trình lấy ý kiến các cơ quan có liên quan; tổng hợp các ý kiến góp ý đề nghị bổ sung thêm hồ sơ theo ý kiến góp ý (nếu có). Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nội vụ tiếp nhận hồ sơ, thụ lý giải quyết và trả kết quả cho công dân, tổ chức theo phiếu hẹn. - Nhận thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có). - Công dân nhận kết quả theo giấy hẹn.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội. (18B Lê Thánh Tông – Hoàn Kiếm – Hà Nội).
Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: - Đơn đề nghị thay đổi giấy phép và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ (theo mẫu); - Nghị quyết của Hội đồng quản lý quỹ nêu rõ lý do về việc xin thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ; - Dự thảo điều lệ sửa đổi, bổ sung; b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản chính).
Thời hạn giải quyết	30 ngày làm việc kể từ ngày Sở Nội vụ nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp.

Đối tượng thực hiện TTHC	Quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh hoặc quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản để thành lập, hoạt động trong phạm vi huyện, xã.
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nội vụ thành phố Hà Nội. - Cơ quan phối hợp giải quyết: Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã có liên quan.
Kết quả thực hiện TTHC	- Quyết định hành chính - Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ về việc xin thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này xem xét, quyết định cho phép thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.
Lệ phí	Không.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	<i>(Kèm theo Thông tư số 02/2013/TT-BNV ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Trong trường hợp thay đổi nội dung giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ, quỹ phải công bố nội dung những thay đổi đó trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ liên tiếp trên 03 số báo viết hoặc báo điện tử ở địa phương. - Việc thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ được thực hiện trong trường hợp quỹ sửa đổi, bổ sung điều lệ. Khi thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ, Hội đồng quản lý quỹ gửi 01 (một) bộ hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này, hồ sơ gồm:

	a) Đơn xin thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ; b) Nghị quyết của Hội đồng quản lý quỹ nêu rõ lý do về việc xin thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ; c) Dự thảo điều lệ sửa đổi, bổ sung.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; - Thông tư số 02/2013/TT-BNV ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

15. Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ

Trình tự thực hiện	- Bước 1: Khi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ bị mất, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, quỹ có đơn đề nghị cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ gửi đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Nội vụ). - Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn đầy đủ và hợp pháp, Ủy ban nhân dân Thành phố (Sở Nội vụ) xem xét, quyết định cho phép cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ, trong đó ghi rõ số lần cấp lại và số giấy phép thành lập đã cấp trước đây. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nội vụ tiếp nhận hồ sơ, thụ lý giải quyết và trả kết quả cho công dân, tổ chức theo phiếu hẹn. - Nhận thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có). - Công dân nhận kết quả theo giấy hẹn.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội. (18B Lê Thánh Tông – Hoàn Kiếm – Hà Nội).
Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: Đơn đề nghị cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (theo mẫu). b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản chính).
Thời hạn giải quyết	15 ngày làm việc kể từ ngày Sở Nội vụ nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp.
Đối tượng thực hiện TTHC	Quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh hoặc quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản để thành lập, hoạt động trong phạm vi huyện, xã.
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nội vụ thành phố Hà Nội.

	- Cơ quan phối hợp giải quyết: Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã có liên quan.
Kết quả thực hiện TTHC	- Quyết định hành chính.
Lệ phí	Không.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	<i>(Kèm theo Thông tư số 02/2013/TT-BNV ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	- Trong trường hợp thay đổi nội dung giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ, quỹ phải công bố nội dung những thay đổi đó trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ liên tiếp trên 03 số báo viết hoặc báo điện tử ở địa phương. - Khi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ bị mất, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, quỹ có đơn đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập quỹ cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ, trong đó nêu rõ lý do đề nghị cấp lại.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; - Thông tư số 02/2013/TT-BNV ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

16. Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động

Trình tự thực hiện	- Bước 1: Trong thời hạn quỹ bị tạm đình chỉ hoạt động theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nếu quỹ khắc phục được sai phạm, Hội đồng quản lý quỹ gửi hồ sơ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Sở Nội vụ) đề nghị được hoạt động trở lại. - Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp pháp. - Bước 3: Sở Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, thực hiện quy trình lấy ý kiến các cơ quan có liên quan; tổng hợp các ý kiến góp ý đề nghị bổ sung thêm hồ sơ theo ý kiến góp ý (nếu có). Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nội vụ tiếp nhận hồ sơ, thụ lý giải quyết và trả kết quả cho công dân, tổ chức theo phiếu hẹn. - Nhận thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có). - Công dân nhận kết quả theo giấy hẹn.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội. (18B Lê Thánh Tông – Hoàn Kiếm – Hà Nội).
Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: - Đơn đề nghị cho quỹ hoạt động trở lại (theo mẫu); - Báo cáo của Hội đồng quản lý quỹ và các tài liệu chứng minh quỹ đã khắc phục sai phạm. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản chính).
Thời hạn giải quyết	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định
Đối tượng thực hiện TTHC	Quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh hoặc quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản để thành lập, hoạt động trong phạm vi huyện, xã.

Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nội vụ thành phố Hà Nội. - Cơ quan phối hợp giải quyết: Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã có liên quan.
Kết quả thực hiện TTHC	- Quyết định hành chính. - Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 3 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này cho phép quỹ hoạt động trở lại, trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.
Lệ phí	Không.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	<i>(Kèm theo Thông tư số 02/2013/TT-BNV ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	a) Quỹ bị tạm đình chỉ hoạt động từ 03 đến 06 tháng khi vi phạm một trong những quy định sau: - Hoạt động sai mục đích, không đúng điều lệ của quỹ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; - Vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý tài sản, tài chính; - Sử dụng sai các khoản tài trợ có mục đích của các tổ chức, cá nhân tài trợ cho quỹ; - Tổ chức vận động tài trợ không đúng với mục đích được quy định trong điều lệ; - Không hoạt động liên tục trong thời hạn 06 tháng; - Không thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo về tình hình tổ chức, hoạt động và báo cáo tài chính hàng năm và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản đôn đốc nhưng quá thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đôn đốc quỹ vẫn không khắc phục;

	- Không báo cáo việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính, thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc quỹ; b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận sai phạm tại quỹ cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định tạm đình chỉ hoạt động của quỹ. Ngoài việc bị tạm đình chỉ hoạt động, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, quỹ có thể bị xử phạt hành chính, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường thiệt hại và những người có trách nhiệm quản lý quỹ bị xử lý theo quy định của pháp luật; c) Hết thời hạn tạm đình chỉ mà quỹ không khắc phục được vi phạm, thời hạn tạm đình chỉ hoạt động kéo dài thêm 01 tháng, quá thời hạn kéo dài thêm mà quỹ vẫn không khắc phục được sai phạm, cơ quan có thẩm quyền quyết định giải thể quỹ; d) Cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập quỹ quyết định xử phạt hành chính; chuyển hồ sơ và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; - Thông tư số 02/2013/TT-BNV ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

17. Hợp nhất, sáp nhập, chia tách quỹ

Trình tự thực hiện	- Bước 1: Quỹ gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân Thành phố (Sở Nội vụ) đề nghị hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ. - Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp pháp. - Bước 3: Sở Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, thực hiện quy trình lấy ý kiến các cơ quan có liên quan; tổng hợp các ý kiến góp ý đề nghị bổ sung thêm hồ sơ theo ý kiến góp ý (nếu có). Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nội vụ tiếp nhận hồ sơ, thụ lý giải quyết và trả kết quả cho công dân, tổ chức theo phiếu hẹn. - Nhận thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có). - Công dân nhận kết quả theo giấy hẹn
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội. (18B Lê Thánh Tông – Hoàn Kiếm – Hà Nội).
Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: - Đơn đề nghị hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ, trong đó nêu rõ lý do và tên gọi mới của quỹ (theo mẫu); - Dự thảo điều lệ quỹ; - Nghị quyết của Hội đồng quản lý quỹ về việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ; ý kiến đồng ý bằng văn bản của sáng lập viên hoặc người đại diện hợp pháp của sáng lập viên (nếu có); - Dự kiến nhân sự Hội đồng quản lý quỹ; - Phương án giải quyết tài sản, tài chính, lao động khi hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ; b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản chính).

Thời hạn giải quyết	30 ngày làm việc kể từ ngày Sở Nội vụ nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp.
Đối tượng thực hiện TTHC	Quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh hoặc quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản để thành lập, hoạt động trong phạm vi huyện, xã.
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nội vụ thành phố Hà Nội. - Cơ quan phối hợp giải quyết: Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã có liên quan.
Kết quả thực hiện TTHC	- Quyết định hành chính. - Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này xem xét, quyết định cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.
Lệ phí	Không.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	<i>(Kèm theo Thông tư số 02/2013/TT-BNV ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Các quỹ hợp nhất, quỹ được sáp nhập, quỹ bị chia chấm dứt tồn tại và hoạt động sau khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hợp nhất, sáp nhập và chia quỹ. Quyền và nghĩa vụ của các quỹ hợp nhất, quỹ được sáp nhập, quỹ bị chia được chuyển giao cho các quỹ mới và quỹ sáp nhập. Đối với trường hợp tách quỹ, thì quỹ bị tách và quỹ được tách (quỹ thành lập mới) thực hiện quyền, nghĩa vụ phù hợp với mục đích hoạt động của quỹ và phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nghĩa vụ của quỹ trước khi tách.

Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; - Thông tư số 02/2013/TT-BNV ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.
------------------------------------	--

18. Đổi tên quỹ

Trình tự thực hiện	- Bước 1: Hội đồng quản lý quỹ gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân Thành phố (Sở Nội vụ) đề nghị đổi tên quỹ. - Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp pháp. - Bước 3: Sở Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, thực hiện quy trình lấy ý kiến các cơ quan có liên quan; tổng hợp các ý kiến góp ý đề nghị bổ sung thêm hồ sơ theo ý kiến góp ý (nếu có). Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nội vụ tiếp nhận hồ sơ, thụ lý giải quyết và trả kết quả cho công dân, tổ chức theo phiếu hẹn. - Nhận thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có). - Công dân nhận kết quả theo giấy hẹn.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội. (18B Lê Thánh Tông – Hoàn Kiếm – Hà Nội).
Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: - Đơn đề đổi tên quỹ (theo mẫu); - Nghị quyết của Hội đồng quản lý quỹ về việc đổi tên quỹ; - Dự thảo điều lệ sửa đổi, bổ sung; - Ý kiến đồng ý bằng văn bản của sáng lập viên hoặc người đại diện hợp pháp của sáng lập viên (nếu có); b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản chính).
Thời hạn giải quyết	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.
Đối tượng thực hiện TTHC	Quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh hoặc quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản để thành lập, hoạt động trong phạm vi huyện, xã.
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

	- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nội vụ thành phố Hà Nội. - Cơ quan phối hợp giải quyết: Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã có liên quan.
Kết quả thực hiện TTHC	- Quyết định hành chính. - Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này xem xét và quyết định cấp lại giấy phép về việc đổi tên quỹ và công nhận điều lệ quỹ; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.
Lệ phí	Không.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	<i>(Kèm theo Thông tư số 02/2013/TT-BNV ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	- Trong trường hợp thay đổi nội dung giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ, quỹ phải công bố nội dung những thay đổi đó trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ liên tiếp trên 03 số báo viết hoặc báo điện tử ở địa phương. - Việc đổi tên quỹ phải có nghị quyết của Hội đồng quản lý quỹ, ý kiến đồng ý bằng văn bản của sáng lập viên hoặc người đại diện hợp pháp của sáng lập viên (nếu có).
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; - Thông tư số 02/2013/TT-BNV ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

19. Tự giải thể quỹ

Trình tự thực hiện	- Bước 1: Hội đồng quản lý quỹ gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân Thành phố (Sở Nội vụ) đề nghị giải thể quỹ. - Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp pháp. - Bước 3: Sở Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, thực hiện quy trình lấy ý kiến các cơ quan có liên quan; tổng hợp các ý kiến góp ý đề nghị bổ sung thêm hồ sơ theo ý kiến góp ý (nếu có). Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nội vụ tiếp nhận hồ sơ, thụ lý giải quyết và trả kết quả cho công dân, tổ chức theo phiếu hẹn. - Nhận thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có). - Công dân nhận kết quả theo giấy hẹn.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội. (18B Lê Thánh Tông – Hoàn Kiếm – Hà Nội).
Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: - Đơn đề nghị giải thể quỹ (theo mẫu); - Nghị quyết của Hội đồng quản lý quỹ về tự giải thể, trong đó nêu rõ lý do giải thể quỹ; - Bản kiểm kê tài sản, tài chính của quỹ có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ, Trưởng Ban Kiểm tra, Giám đốc và phụ trách kế toán; - Dự kiến phương thức xử lý tài sản, tài chính, lao động và thời hạn thanh toán các khoản nợ; - Thông báo thời hạn thanh toán nợ (nếu có) cho các tổ chức và cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật và thông báo liên tiếp trên 03 số báo viết hoặc báo điện tử ở địa phương; - Các tài liệu chứng minh việc hoàn thành nghĩa vụ tài sản, tài chính của quỹ. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản chính).

Thời hạn giải quyết	15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn ghi trong thông báo thanh toán nợ và thanh lý tài sản, tài chính của quỹ khi quỹ tự giải thể mà không có đơn khiếu nại.
Đối tượng thực hiện TTHC	Quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh hoặc quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản để thành lập, hoạt động trong phạm vi huyện, xã.
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nội vụ thành phố Hà Nội. - Cơ quan phối hợp giải quyết: Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã có liên quan.
Kết quả thực hiện TTHC	- Quyết định giải thể và thu hồi giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ quỹ.
Lệ phí	Không.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	<i>(Kèm theo Thông tư số 02/2013/TT-BNV ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Quỹ chấm dứt hoạt động kể từ ngày quyết định giải thể quỹ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; - Thông tư số 02/2013/TT-BNV ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

20. Thông báo thành lập pháp nhân trực thuộc quỹ

Trình tự thực hiện	- Bước 1: Khi quỹ có nhu cầu và đủ điều kiện thành lập pháp nhân trực thuộc, hoạt động trong những lĩnh vực phù hợp với điều kiện đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền công nhận mà pháp luật đã quy định cụ thể về điều kiện, thủ tục, trình tự, hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động thì quỹ quyết định thành lập pháp nhân và gửi hồ sơ thông báo đến Ủy ban nhân dân Thành phố (Sở Nội vụ). - Bước 2: Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, cho ý kiến (nếu có). Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nội vụ tiếp nhận hồ sơ, thụ lý giải quyết và trả kết quả cho công dân, tổ chức theo phiếu hẹn. - Nhận thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có). - Công dân nhận kết quả theo giấy hẹn.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội. (18B Lê Thánh Tông – Hoàn Kiếm – Hà Nội).
Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: - Văn bản thông báo gồm các nội dung sau: Tên pháp nhân; Địa chỉ trụ sở chính của pháp nhân; Phạm vi, lĩnh vực hoạt động của pháp nhân; Họ và tên, địa chỉ thường trú của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân; - Quyết định thành lập pháp nhân; - Bản sao các tài liệu: Quy chế hoặc quy định về tổ chức, hoạt động của pháp nhân; quyết định bổ nhiệm người đứng đầu pháp nhân; giấy phép hoạt động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (nếu có); b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản chính).
Thời hạn giải quyết	

Đối tượng thực hiện TTHC	Quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh hoặc quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản để thành lập, hoạt động trong phạm vi huyện, xã.
Cơ quan thực hiện TTHC	
Kết quả thực hiện TTHC	
Lệ phí	Không.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	<i>(Kèm theo Thông tư số 02/2013/TT-BNV ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Khi quỹ có nhu cầu và đủ điều kiện thành lập pháp nhân trực thuộc, hoạt động trong những lĩnh vực phù hợp với điều kiện đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền công nhận mà pháp luật đã quy định cụ thể về điều kiện, thủ tục, trình tự, hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động thì quỹ quyết định thành lập pháp nhân và gửi hồ sơ thông báo đến Ủy ban nhân dân Thành phố (Sở Nội vụ).
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; - Thông tư số 02/2013/TT-BNV ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

21. Thông báo thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của quỹ

Trình tự thực hiện	- Bước 1: Quỹ có phạm vi hoạt động toàn quốc hoặc liên tỉnh được thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với nơi đặt trụ sở chính của quỹ. Quỹ gửi hồ sơ thông báo thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của quỹ đến Ủy ban nhân dân Thành phố (Sở Nội vụ). - Bước 2: Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, cho ý kiến (nếu có).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội. (18B Lê Thánh Tông – Hoàn Kiếm – Hà Nội).
Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: - Văn bản thông báo thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của quỹ, trong đó ghi rõ: Tên quỹ và địa chỉ trụ sở chính của quỹ; tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực hoạt động chính, phạm vi hoạt động của quỹ; tên, địa chỉ trụ sở, nội dung, phạm vi hoạt động của chi nhánh hoặc văn phòng đại diện; họ, tên, nơi thường trú, số giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người đứng đầu chi nhánh hoặc văn phòng đại diện; - Bản sao quyết định của Hội đồng quản lý quỹ về việc thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện có chứng thực; - Bản sao quyết định bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh hoặc văn phòng đại diện có chứng thực; - Bản sao giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ có chứng thực, bản sao điều lệ của quỹ đã được công nhận có chứng thực. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản chính).
Thời hạn giải quyết	

Đối tượng thực hiện TTHC	Quỹ có phạm vi hoạt động toàn quốc hoặc liên tỉnh..
Cơ quan thực hiện TTHC	
Kết quả thực hiện TTHC	
Lệ phí	Không có.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	<i>(Kèm theo Thông tư số 02/2013/TT-BNV ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Quỹ có phạm vi hoạt động toàn quốc hoặc liên tỉnh được thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với nơi đặt trụ sở chính của quỹ. Quỹ gửi hồ sơ thông báo thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của quỹ đến Bộ Nội vụ và Ủy ban nhân dân Thành phố nơi quỹ đặt chi nhánh và văn phòng đại diện.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; - Thông tư số 02/2013/TT-BNV ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

B. Thủ tục hành chính cấp huyện**1. Công nhận Ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn**

Trình tự thực hiện	- Bước 1: Những người sáng lập gửi hồ sơ đề nghị công nhận Ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong xã đến Ủy ban nhân dân huyện (Phòng Nội vụ). - Bước 2: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp pháp. - Bước 3: Kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp, cán bộ tiếp nhận hồ sơ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ và thực hiện quy trình lấy ý kiến các cơ quan có liên quan, tổng hợp các ý kiến góp ý, đề nghị bổ sung hồ sơ (nếu có). - Nhận thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có). - Công dân nhận kết quả theo giấy hẹn.
Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Ủy ban nhân dân huyện (Phòng Nội vụ) hoặc qua đường bưu điện. Hồ sơ phải có xác nhận văn bản đến của cơ quan có thẩm quyền, nếu gửi qua đường bưu điện, thời gian được tính từ ngày đến trên phong bì.
Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Đơn xin phép thành lập hội; - Dự thảo điều lệ; - Quyết định công nhận Ban vận động thành lập hội của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; kèm theo danh sách trích ngang những người trong Ban vận động thành lập hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; - Sơ yếu lý lịch và phiếu lý lịch tư pháp của người đứng đầu (Trưởng ban) ban vận động thành lập hội, trong đó: + Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền; đối với người đứng đầu (Trưởng ban) ban vận

	động thành lập hội thuộc diện quản lý của cơ quan có thẩm quyền thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ; + Việc cấp phiếu lý lịch tư pháp thực hiện theo thủ tục hành chính tại Sở Tư pháp thành phố Hà Nội. - Giấy tờ hợp lệ liên quan đến quyền sử dụng nhà, đất nơi xác định đặt trụ sở của hội; - Danh sách công dân, tổ chức Việt Nam thường trú hoặc đang hoạt động hợp pháp trên địa bàn Thành phố hoặc quận, huyện, thị xã mà hội hoạt động tự nguyện đăng ký tham gia thành lập hội; - Bản kê khai tài sản do các sáng lập viên tự nguyện đóng góp (nếu có); b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc.
Thời hạn giải quyết	30 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân huyện (Phòng Nội vụ) nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp.
Đối tượng thực hiện TTHC	Cá nhân, tổ chức sáng lập hội có phạm vi hoạt động trong xã.
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Nội vụ. - Cơ quan phối hợp giải quyết: Các phòng, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện có liên quan.
Kết quả thực hiện TTHC	- Quyết định công nhận ban vận động thành lập hội. - Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp pháp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều này có trách nhiệm xem xét, quyết định công nhận ban vận động thành lập hội; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Lệ phí	Không có.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	<i>Mẫu 1, 2, 3, 4, 9 Phụ lục I; Mẫu 1 Phụ lục II (Kèm theo Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Ủy ban nhân dân huyện quyết định công nhận ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong xã. - Người đứng đầu ban vận động thành lập hội là công dân Việt Nam, sống thường trú tại Việt Nam có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có sức khỏe và có uy tín trong lĩnh vực hội dự kiến hoạt động. - Đối với hội có phạm vi hoạt động trong xã ban vận động thành lập hội phải có ít nhất ba thành viên. - Ban vận động thành lập hội tự giải thể khi đại hội bầu ra ban lãnh đạo của hội.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Quyết định số 103/2009/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế,

	tiền lương, tiền công, cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị thuộc thành phố Hà Nội; - Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 10/5/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ủy quyền để Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã cho phép thành lập, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên và phê duyệt điều lệ hội đối với hội có phạm vi hoạt động trong phường, xã, thị trấn thuộc thành phố Hà Nội; - Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về tổ chức, hoạt động của hội và nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.
--	---

2. Cho phép thành lập hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn

Trình tự thực hiện	- Cá nhân đại diện tổ chức nộp hồ sơ tại Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã. - Phòng Nội vụ tiếp nhận hồ sơ, thụ lý giải quyết và trả kết quả cho công dân, tổ chức theo phiếu hẹn. - Nhận thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có).
Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Ủy ban nhân dân huyện (Phòng Nội vụ) hoặc qua đường bưu điện. Hồ sơ phải có xác nhận văn bản đến của cơ quan có thẩm quyền, nếu gửi qua đường bưu điện, thời gian được tính từ ngày đến trên phong bì.
Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Đơn xin phép thành lập hội; - Dự thảo điều lệ; - Quyết định công nhận Ban vận động thành lập hội của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; kèm theo danh sách trích ngang những người trong Ban vận động thành lập hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; - Sơ yếu lý lịch và phiếu lý lịch tư pháp của người đứng đầu (Trưởng ban) ban vận động thành lập hội, trong đó: + Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền; đối với người đứng đầu (Trưởng ban) ban vận động thành lập hội thuộc diện quản lý của cơ quan có thẩm quyền thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ; + Việc cấp phiếu lý lịch tư pháp thực hiện theo thủ tục hành chính tại Sở Tư pháp thành phố Hà Nội. - Giấy tờ hợp lệ liên quan đến quyền sử dụng nhà, đất nơi xác định đặt trụ sở của hội; - Danh sách công dân, tổ chức Việt Nam thường trú hoặc đang hoạt động hợp pháp trên địa bàn xã mà hội hoạt động tự nguyện đăng ký tham gia thành lập hội;

	- Bản kê khai tài sản do các sáng lập viên tự nguyện đóng góp (nếu có). b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính.
Thời hạn giải quyết	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Tại Phòng Nội vụ: 16 ngày làm việc; - Tại các phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã: 07 ngày làm việc (cho ý kiến bằng văn bản về việc cho phép thành lập hội); - Tại Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã: 07 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức (Ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong xã).
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Nội vụ. - Cơ quan phối hợp giải quyết: Các phòng, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện có liên quan.
Kết quả thực hiện TTHC	- Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. - Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, hợp pháp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, quyết định cho phép thành lập hội; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.
Lệ phí	Không có.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	<i>Mẫu 1, 2, 3, 4, 9 Phụ lục I; Mẫu 2 Phụ lục II (Kèm theo Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	1. Có mục đích hoạt động không trái với pháp luật; không trùng lặp về tên gọi và lĩnh vực hoạt động chính với hội đã được thành lập hợp pháp trước đó trên cùng địa bàn lãnh thổ.

	2. Có điều lệ. 3. Có trụ sở. 4. Có số lượng công dân, tổ chức Việt Nam đăng ký tham gia thành lập hội: a) Hội có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh có ít nhất một trăm công dân, tổ chức ở nhiều tỉnh có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội; b) Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh có ít nhất năm mươi công dân, tổ chức trong tỉnh có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội; c) Hội có phạm vi hoạt động trong huyện có ít nhất hai mươi công dân, tổ chức trong huyện có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội; d) Hội có phạm vi hoạt động trong xã có ít nhất mười công dân, tổ chức trong xã có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội; đ) Hiệp hội của các tổ chức kinh tế có hội viên là đại diện các tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân của Việt Nam, có phạm vi hoạt động cả nước có ít nhất mười một đại diện pháp nhân ở nhiều tỉnh; hiệp hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh có ít nhất năm đại diện pháp nhân trong tỉnh cùng ngành nghề hoặc cùng lĩnh vực hoạt động có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hiệp hội. Đối với hội nghề nghiệp có tính đặc thù chuyên môn, số lượng công dân và tổ chức tự nguyện đăng ký tham gia thành lập hội do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 của Nghị định này xem xét quyết định từng trường hợp cụ thể.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

	- Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Quyết định số 103/2009/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương, tiền công, cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị thuộc thành phố Hà Nội; - Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 10/5/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ủy quyền để Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã cho phép thành lập, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên và phê duyệt điều lệ hội đối với hội có phạm vi hoạt động trong phường, xã, thị trấn thuộc thành phố Hà Nội; - Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về tổ chức, hoạt động của hội và nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.
--	---

3. Phê duyệt điều lệ hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn

Trình tự thực hiện	- Cá nhân đại diện tổ chức nộp hồ sơ tại Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã. - Phòng Nội vụ tiếp nhận hồ sơ, thụ lý giải quyết và trả kết quả cho công dân, tổ chức theo phiếu hẹn. - Nhận thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có).
Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Ủy ban nhân dân huyện (Phòng Nội vụ) hoặc qua đường bưu điện. Hồ sơ phải có xác nhận văn bản đến của cơ quan có thẩm quyền, nếu gửi qua đường bưu điện, thời gian được tính từ ngày đến trên phong bì.
Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: Trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày đại hội, ban lãnh đạo hội gửi tài liệu đại hội đến cơ quan nhà nước đã quyết định cho phép thành lập hội, gồm: 1. Điều lệ và biên bản thông qua điều lệ hội; 2. Biên bản bầu ban lãnh đạo, ban kiểm tra (có danh sách kèm theo) và lý lịch người đứng đầu hội; 3. Chương trình hoạt động của hội; 4. Nghị quyết đại; b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính.
Thời hạn giải quyết	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Tại Phòng Nội vụ: 16 ngày làm việc; - Tại các phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã: 07 ngày làm việc (cho ý kiến bằng văn bản về việc cho phép thành lập hội); - Tại Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã: 07 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện TTHC	Hội đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện cho phép thành lập.
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã.

	- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Nội vụ. - Cơ quan phối hợp giải quyết: Các phòng, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện có liên quan.
Kết quả thực hiện TTHC	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trường hợp điều lệ hội có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định 45 có quyền từ chối và yêu cầu, hướng dẫn ban lãnh đạo hội hoàn chỉnh điều lệ hội phù hợp với quy định của pháp luật.
Lệ phí	Không có.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	<i>Mẫu 5, 9 Phụ lục I; Mẫu 3 Phụ lục II (Kèm theo Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định 45 quyết định phê duyệt điều lệ hội đã được đại hội thông qua. - Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày đại hội kết thúc, ban lãnh đạo hội gửi một bộ hồ sơ báo cáo kết quả đại hội theo quy định tại Điều 12 Nghị định 45... - Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp pháp theo quy định ... Trường hợp điều lệ hội có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định 45 có quyền từ chối và yêu cầu, hướng dẫn ban lãnh đạo hội hoàn chỉnh điều lệ hội phù hợp với quy định của pháp luật.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

	- Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Quyết định số 103/2009/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương, tiền công, cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị thuộc thành phố Hà Nội; - Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 10/5/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ủy quyền để Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã cho phép thành lập, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên và phê duyệt điều lệ hội đối với hội có phạm vi hoạt động trong phường, xã, thị trấn thuộc thành phố Hà Nội; - Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về tổ chức, hoạt động của hội và nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.
--	---

4. Cho phép đổi tên hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn

Trình tự thực hiện	- Cá nhân đại diện tổ chức nộp hồ sơ tại Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã. - Phòng Nội vụ tiếp nhận hồ sơ, thụ lý giải quyết và trả kết quả cho công dân, tổ chức theo phiếu hẹn. - Nhận thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có).
Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Ủy ban nhân dân huyện (Phòng Nội vụ) hoặc qua đường bưu điện. Hồ sơ phải có xác nhận văn bản đến của cơ quan có thẩm quyền, nếu gửi qua đường bưu điện, thời gian được tính từ ngày đến trên phong bì.
Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Đơn đề nghị đổi tên hội, trong đó nêu rõ lý do, sự cần thiết phải đổi tên hội; - Nghị quyết đại hội của hội về việc đổi tên hội; - Dự thảo điều lệ hội sửa đổi, bổ sung; - Trường hợp đồng thời có sự thay đổi về ban lãnh đạo hội thì gửi kèm biên bản bầu ban lãnh đạo (có danh sách kèm theo); đối với người đứng đầu hội phải có sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp của người đứng đầu hội, trong đó: + Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền; đối với người đứng đầu hội thuộc diện quản lý của cơ quan có thẩm quyền thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ; + Việc cấp phiếu lý lịch tư pháp thực hiện theo thủ tục hành chính tại Sở Tư pháp thành phố Hà Nội. b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ chính).
Thời hạn giải quyết	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Tại Phòng Nội vụ: 16 ngày làm việc; - Tại các phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân các quận,

	huyện, thị xã: 07 ngày làm việc (cho ý kiến bằng văn bản về việc cho phép thành lập hội); - Tại Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã: 07 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Nội vụ. - Cơ quan phối hợp giải quyết: Các phòng, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện có liên quan.
Kết quả thực hiện TTHC	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp pháp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP xem xét, quyết định cho phép hội đổi tên và phê duyệt điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của hội, trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.
Lệ phí	Không có.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	<i>Mẫu 5, 9 Phụ lục I; Mẫu 4 Phụ lục II (Kèm theo Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không có.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị

	định số 45/2010/NĐ-CP ngày ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Quyết định số 103/2009/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương, tiền công, cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị thuộc thành phố Hà Nội; - Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 10/5/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ủy quyền để Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã cho phép thành lập, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên và phê duyệt điều lệ hội đối với hội có phạm vi hoạt động trong phường, xã, thị trấn thuộc thành phố Hà Nội; - Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về tổ chức, hoạt động của hội và nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.
--	---

5. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn

Trình tự thực hiện	- Cá nhân đại diện tổ chức nộp hồ sơ tại Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã. - Phòng Nội vụ tiếp nhận hồ sơ, thụ lý giải quyết và trả kết quả cho công dân, tổ chức theo phiếu hẹn. - Nhận thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có).
Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Ủy ban nhân dân huyện (Phòng Nội vụ) hoặc qua đường bưu điện. Hồ sơ phải có xác nhận văn bản đến của cơ quan có thẩm quyền, nếu gửi qua đường bưu điện, thời gian được tính từ ngày đến trên phong bì.
Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Đề án chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội, trong đó có phương án giải quyết tài sản, tài chính, lao động, phân định chức năng, quyền hạn, lĩnh vực hoạt động và trách nhiệm, nghĩa vụ phải thực hiện; - Nghị quyết đại hội của hội về việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội; - Dự thảo điều lệ hội mới do chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội; - Danh sách ban lãnh đạo lâm thời của hội thành lập mới do chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội; - Sơ yếu lý lịch và phiếu lý lịch tư pháp của người dự kiến đứng đầu hội mới do chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội, trong đó: + Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền; đối với người dự kiến đứng đầu (Trưởng ban) ban vận động thành lập hội thuộc diện quản lý của cơ quan có thẩm quyền thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ; + Việc cấp phiếu lý lịch tư pháp thực hiện theo thủ tục hành chính tại Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;

	- Danh sách những người trong ban vận động được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; - Giấy tờ hợp lệ liên quan đến quyền sử dụng nhà, đất nơi dự kiến đặt trụ sở của hội hình thành mới do chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội; b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính.
Thời hạn giải quyết	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Tại Phòng Nội vụ: 16 ngày làm việc; - Tại các phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã: 07 ngày làm việc (cho ý kiến bằng văn bản về việc cho phép thành lập hội); - Tại Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã: 07 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Nội vụ. - Cơ quan phối hợp giải quyết: Các phòng, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện có liên quan.
Kết quả thực hiện TTHC	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.
Lệ phí	Không có.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	<i>Mẫu 5, 10, 11, 12, 13, 9 Phụ lục I; Mẫu 5, 6, 7, 8 Phụ lục II (Kèm theo Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Việc thu hồi con dấu với các hội chia, sáp nhập, hợp nhất chấm dứt tồn tại hoạt động sau khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định ...
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

	- Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Quyết định số 103/2009/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương, tiền công, cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị thuộc thành phố Hà Nội; - Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 10/5/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ủy quyền để Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã cho phép thành lập, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên và phê duyệt điều lệ hội đối với hội có phạm vi hoạt động trong phường, xã, thị trấn thuộc thành phố Hà Nội; - Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về tổ chức, hoạt động của hội và nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.
--	--

6. Tự giải thể Hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn

Trình tự thực hiện	- Cá nhân đại diện tổ chức nộp hồ sơ tại Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã. - Phòng Nội vụ tiếp nhận hồ sơ, thụ lý giải quyết và trả kết quả cho công dân, tổ chức theo phiếu hẹn. - Nhận thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có).
Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Ủy ban nhân dân huyện (Phòng Nội vụ) hoặc qua đường bưu điện. Hồ sơ phải có xác nhận văn bản đến của cơ quan có thẩm quyền, nếu gửi qua đường bưu điện, thời gian được tính từ ngày đến trên phong bì.
Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Đơn đề nghị giải thể hội; - Biên bản và Nghị quyết đại hội của hội về nội dung hội tự giải thể; - Bản kê tài sản, tài chính; - Dự kiến phương thức xử lý tài sản, tài chính và thời hạn thanh toán các khoản nợ; - Thông báo thời hạn thanh toán nợ (nếu có) cho các tổ chức và cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật trên 05 (năm) số liên tiếp ở báo địa phương; b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính.
Thời hạn giải quyết	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Tại Phòng Nội vụ: 16 ngày làm việc; - Tại các phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã: 07 ngày làm việc (cho ý kiến bằng văn bản về việc cho phép thành lập hội); - Tại Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã: 07 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức.

Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Nội vụ. - Cơ quan phối hợp giải quyết: Các phòng, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện có liên quan.
Kết quả thực hiện TTHC	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.
Lệ phí	Không có.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	<i>Mẫu 14 Phụ lục I; Mẫu 10 Phụ lục II (Kèm theo Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không có.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Quyết định số 103/2009/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương, tiền công, cán bộ, công chức, viên

	chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị thuộc thành phố Hà Nội; - Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 10/5/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ủy quyền đề Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã cho phép thành lập, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên và phê duyệt điều lệ hội đối với hội có phạm vi hoạt động trong phường, xã, thị trấn thuộc thành phố Hà Nội; - Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về tổ chức, hoạt động của hội và nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.
--	--

7. Cho phép hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn tổ chức đại hội nhiệm kỳ và đại hội bất thường

Trình tự thực hiện	- Cá nhân đại diện tổ chức nộp hồ sơ tại Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã. - Phòng Nội vụ tiếp nhận hồ sơ, thụ lý giải quyết và trả kết quả cho công dân, tổ chức theo phiếu hẹn. - Nhận thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có).
Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Ủy ban nhân dân huyện (Phòng Nội vụ) hoặc qua đường bưu điện. Hồ sơ phải có xác nhận văn bản đến của cơ quan có thẩm quyền, nếu gửi qua đường bưu điện, thời gian được tính từ ngày đến trên phong bì.
Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: a1) Đối với Đại hội nhiệm kỳ - Nghị quyết của ban lãnh đạo hội về việc tổ chức đại hội nhiệm kỳ. - Dự thảo báo cáo tổng kết công tác nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tới của hội. - Báo cáo kiểm điểm của Ban chấp hành, Ban kiểm tra và báo cáo tài chính của hội; - Dự thảo điều lệ sửa đổi, bổ sung (nếu có); - Dự thảo Đề án nhân sự Ban Lãnh đạo, trong đó xây dựng cơ cấu, số lượng (Ban Lãnh đạo, Ban Thường vụ), tiêu chuẩn các thành viên Ban Lãnh đạo, tiêu chuẩn riêng đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch; trên cơ sở đó dự kiến cụ thể Danh sách Ban Lãnh đạo (có trích ngang về độ tuổi, trình độ chuyên môn đào tạo, nghề nghiệp, cơ quan công tác, địa chỉ thường trú, chức danh trong Ban Lãnh đạo., Đối với nhân sự dự kiến là người đứng đầu hội phải có: + Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm

	quyền (mẫu 4); đối với người đứng đầu hội thuộc diện quản lý của cơ quan có thẩm quyền thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ; + Việc cấp phiếu lý lịch tư pháp thực hiện theo thủ tục hành chính tại Sở Tư pháp thành phố Hà Nội; - Báo cáo số lượng hội viên chính thức theo danh sách trích ngang (có trích ngang về độ tuổi, trình độ chuyên môn đào tạo, nghề nghiệp, nơi công tác, địa chỉ thường trú); - Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức đại hội, số lượng đại biểu mời, đại biểu chính thức tham dự đại hội, dự kiến chương trình đại hội; a2) Đối với Đại hội bất thường - Công văn của Hội về việc xin phép tổ chức đại hội bất thường; - Nghị quyết của ban lãnh đạo hội về việc tổ chức đại hội bất thường trong đó nêu rõ nội dung sẽ thảo luận và quyết định tại đại hội; - Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức đại hội, số lượng đại biểu mời, đại biểu chính thức tham dự đại hội, dự kiến chương trình đại hội; b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính.
Thời hạn giải quyết	Thời hạn giải quyết là 15 ngày. Trường hợp cần xin ý kiến thì chậm nhất là 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong đó: - Tại Phòng Nội vụ, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã: 20 ngày làm việc; - Tại các phòng, ban, ngành của Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã: 05 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức.

Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Nội vụ. - Cơ quan phối hợp giải quyết: Các phòng, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện có liên quan.
Kết quả thực hiện TTHC	Công văn cho ý kiến.
Lệ phí	Không có.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	<i>Mẫu 5, 16 Phụ lục I; (Kèm theo Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không có.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Quyết định số 103/2009/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy,

	biên chế, tiền lương, tiền công, cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị thuộc thành phố Hà Nội; - Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 10/5/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ủy quyền để Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã cho phép thành lập, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên và phê duyệt điều lệ hội đối với hội có phạm vi hoạt động trong phường, xã, thị trấn thuộc thành phố Hà Nội; - Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về tổ chức, hoạt động của hội và nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.
--	---

8. Báo cáo việc thành lập pháp nhân thuộc hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn

Trình tự thực hiện	- Bước 1: Khi có nhu cầu và đủ điều kiện thành lập pháp nhân thuộc hội hoạt động trong những lĩnh vực phù hợp với điều kiện hội mà pháp luật đã quy định cụ thể về điều kiện, thủ tục, trình tự, hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép kinh doanh thì hội quyết định thành lập pháp nhân và báo cáo Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (thông qua Phòng Nội vụ). - Bước 2: phòng Nội vụ xem xét, trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã cho ý kiến (nếu có). - Cá nhân đại diện tổ chức nộp hồ sơ tại Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã. - Phòng Nội vụ tiếp nhận hồ sơ, thụ lý giải quyết và trả kết quả cho công dân, tổ chức theo phiếu hẹn. Nhận thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có).
Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Ủy ban nhân dân huyện (Phòng Nội vụ) hoặc qua đường bưu điện. Hồ sơ phải có xác nhận văn bản đến của cơ quan có thẩm quyền, nếu gửi qua đường bưu điện, thời gian được tính từ ngày đến trên phong bì.
Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: + Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép kinh doanh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (bản sao có chứng thực); + Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính.
Thời hạn giải quyết	
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	

Kết quả thực hiện TTHC	
Lệ phí	Không có.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Khi có nhu cầu và đủ điều kiện thành lập pháp nhân thuộc hội hoạt động trong những lĩnh vực phù hợp với điều kiện hội mà pháp luật đã quy định cụ thể về điều kiện, thủ tục, trình tự, hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép kinh doanh thì hội quyết định thành lập pháp nhân và báo cáo Ủy ban nhân dân huyện (đối với hội có phạm vi hoạt động trong huyện, xã).
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Quyết định số 103/2009/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương, tiền công, cán bộ, công chức, viên

	chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị thuộc thành phố Hà Nội; - Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 10/5/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ủy quyền để Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã cho phép thành lập, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên và phê duyệt điều lệ hội đối với hội có phạm vi hoạt động trong phường, xã, thị trấn thuộc thành phố Hà Nội; - Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về tổ chức, hoạt động của hội và nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.
--	--

9. Báo cáo việc thay đổi địa chỉ nơi đặt trụ sở hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn

Trình tự thực hiện	- Cá nhân đại diện tổ chức nộp hồ sơ tại Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã. Nhận thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có).
Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Ủy ban nhân dân huyện (Phòng Nội vụ) hoặc qua đường bưu điện. Hồ sơ phải có xác nhận văn bản đến của cơ quan có thẩm quyền, nếu gửi qua đường bưu điện, thời gian được tính từ ngày đến trên phong bì.
Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: + Báo cáo thay đổi địa chỉ nơi đặt trụ sở phải nêu rõ địa chỉ mới, điện thoại, fax (nếu có); + Báo cáo thay đổi Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký hoặc chức danh tương đương kèm theo nghị quyết, biên bản về việc bầu các chức danh trên và sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp của người đứng đầu hội; b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính.
Thời hạn giải quyết	
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	
Kết quả thực hiện TTHC	
Lệ phí	Không có.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	<i>Mẫu 7 Phụ lục I; (Kèm theo Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không có.

Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Quyết định số 103/2009/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương, tiền công, cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị thuộc thành phố Hà Nội; - Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 10/5/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ủy quyền để Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã cho phép thành lập, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên và phê duyệt điều lệ hội đối với hội có phạm vi hoạt động trong phường, xã, thị trấn thuộc thành phố Hà Nội; - Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về tổ chức, hoạt động của hội và nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.
---------------------------------------	--